

Vietnam Daily Review

Tích lũy tại vùng kháng cự

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/6/2022	•		
Tuần 6/6-10/6/2022		•	
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường đi ngang trong phiên giao dịch hôm nay với thanh khoản sụt giảm. 12/19 ngành tăng điểm; độ rộng thị trường khá cân bằng với số mã tăng và giảm tương đương nhau. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, nếu khối lượng giao dịch vẫn còn khiêm tốn thì nhiều khả năng chỉ số vẫn sẽ tích lũy thêm ở vùng 1300. Tuy nhiên, việc chỉ số đã vượt qua ngưỡng tâm lý này là báo hiệu tích cực chỉ số sẽ sớm trở lại vùng 1350-1360.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Mức biến động hiện tại của VN30 phù hợp để các nhà đầu tư thực hiện chiến lược giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 09/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): NKG_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index **-0.11** điểm, đóng cửa **1307.80** điểm. HNX-Index 1.81 điểm, đóng cửa 312.74 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+1.05)**, **GVR (+1.41)**, **VGC(+0.38)**, **STB (+0.35)**, **POW (+0.31)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.65)**, **GAS (-0.62)**, **SAB (-0.43)**, **VNM (-0.42)**, **VPB (-0.33)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 11.876 tỷ đồng, giảm **24.24%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12.680 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 11.59 điểm. Thị trường có **219** mã tăng, 66 mã tham chiếu và **214** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **179.39 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (82.45 tỷ)**, **DXG (68.76 tỷ)**, **DPM (66.48 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 45.73 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1307.80**
Giá trị: 11876.15 tỷ **-0.11 (-0.01%)**
Khối ngoại (ròng): 179.39 tỷ

HNX-INDEX **312.74**
Giá trị: 1302.78 tỷ **1.81 (0.58%)**
Khối ngoại (ròng): 45.73 tỷ

UPCOM-INDEX **94.89**
Giá trị: 1.07 tỷ **-0.11 (-0.12%)**
Khối ngoại(ròng): 63.41 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	121.8	-0.26%
Giá vàng	1,850	-0.19%
Tỷ giá USD/VND	23,189	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	24,844	-0.23%
Tỷ giá JPY/VND	17,351	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	2.1%	3.77%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-2.10%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	82.4	VCB	-51.1
DXG	68.8	VHM	-44.8
DPM	66.5	VNM	-32.1
FUEFVND	51.4	E1VFN30	-28.4
DCM	45.4	VIC	-26.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 09/06

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	122.11	2.26%	5.94%	19.99%	74.97%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	123.83	2.70%	6.48%	18.38%	71.46%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	4.22	1.54%	3.69%	19.61%	91.69%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1853.02	0.06%	0.40%	-0.05%	-1.87%	PNJ	
Bạc	USD/ounce	22.03	-0.78%	1.07%	1.11%	-20.61%	PNJ	
Đậu tương	UScent/bushel	1740.00	0.68%	2.94%	9.76%	11.36%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1074.75	0.28%	3.22%	-1.65%	57.53%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.30	-0.53%	-3.57%	-1.90%	42.36%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	258.10	-0.50%	2.50%	4.45%	4.07%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.98	0.05%	-2.37%	1.71%	7.05%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	2.69	0.00%	0.75%	-3.93%	4.26%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	231.85	-0.13%	-3.17%	12.38%	47.49%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.45	-0.02%	2.73%	6.12%	-1.95%	HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4600.00	0.00%	3.02%	-9.72%	-6.08%		
Nhôm	USD/ton	2835.00	2.03%	4.00%	2.90%	14.65%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	146.50	1.03%	5.78%	14.45%	-30.24%		HPG
Than đá	USD/ton	397.50	-1.36%	-3.52%	5.44%	221.34%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ tăng 0.01% lên 121.12 USD/thùng. Giá dầu thô Brent giao tháng 8 tăng tới 2.69% lên 123.81 USD/thùng.
- Giá dầu tăng hơn 2% trong phiên giao dịch ngày 8/6 lên mức cao nhất trong 13 tuần, nhờ nhu cầu xăng của Mỹ tăng thêm bất chấp giá xăng cao kỷ lục, trong khi triển vọng nhu cầu dầu tăng của Trung Quốc vấp lo ngại về nguồn cung tại nhiều quốc gia, trong đó có Iran.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 9/6, giá vàng giao ngay tăng 0.05% lên 1,854.1 USD/ounce. Trong khi giá vàng giao tháng 8 giảm 0.02% xuống 1,856.1 USD.
- Giá vàng đã tăng vì lo ngại về tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy sức hấp dẫn của kim loại quý trước khi dữ liệu lạm phát của Mỹ được công bố - dữ kiện có thể gợi ý về lộ trình nâng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed).

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 6/2022 ghi nhận mức 258.3 yen/kg, tăng 0.08% (tương đương 0.2 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 6/2022 được điều chỉnh lên mức 13,255 nhân dân tệ/tấn, tăng 2.16% (tương đương 280 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 7/2022 được ghi nhận tại mức 2,105 USD/tấn sau khi giảm 0.19% (tương đương 4 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 7/2022 tại New York đạt mức 231.85 US cent/pound, giảm 0.13% (tương đương 0.3 US cent).

	9/6	% 9/6	8/6	% 8/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1307.80	-0.01%	1307.91	1.28%	1.49%	1.10%
S&P 500			4115.77	-1.08%	0.35%	-0.18%
HĐTL S&P500	4121.50	0.13%	4116.00	-1.08%	-1.35%	3.30%
Shang- hai	3238.95	-0.76%	3263.79	0.68%	1.78%	7.82%
Euro Stoxx	3770.73	-0.48%	3788.93	-0.47%	-0.64%	6.07%

BSC

Phân tích kỹ thuật

NKG_Tin hiệu hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD cắt đường tín hiệu đi lên
 - Chỉ báo RSI: Xu hướng tăng

Nhận định: NKG đang trong xu hướng tích lũy, mức giá đã nằm trên đường MA20 tuy nhiên vẫn đang ở dưới MA50. Đường MA20 vẫn đang ở dưới đường MA50 và chưa cho thấy dấu hiệu sẽ cắt lên trong ngắn hạn. Phiên giao dịch ngày 09/06 đang hình thành mẫu hình nến Marubozu tương đối hoàn hảo cùng khối lượng thanh khoản đột biến. KLGD đã cao hơn trung bình 20 phiên gần nhất. Chỉ báo kỹ thuật RSI và MACD tương đối khả quan khi MACD vẫn đang ở trên đường tín hiệu tuy nhiên khoảng cách đang thu hẹp dần, đường RSI đang trong xu hướng tăng và tiến đến ngưỡng 50.

Khuyến nghị: BSC khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể cân nhắc mở vị thế với cổ phiếu tại ngưỡng 23.85, chốt lãi tại ngưỡng 27.0, cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 22.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

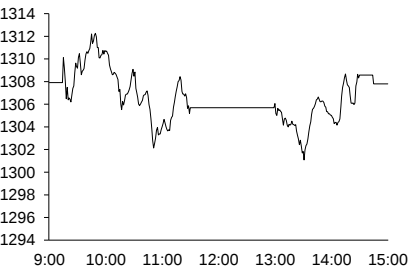
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-9.76%
Truyền thông	-0.96%
Thực phẩm và đồ uống	-0.73%
Ngân hàng	-0.50%
Bán lẻ	-0.43%
Bảo hiểm	-0.33%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.30%
Y tế	0.13%
Dịch vụ tài chính	0.13%
Dầu khí	0.17%
Công nghệ Thông tin	0.22%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.25%
Bất động sản	0.30%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.40%
Hóa chất	0.42%
Ô tô và phụ tùng	0.81%
Xây dựng và Vật liệu	1.00%
Du lịch và Giải trí	1.20%
Tài nguyên Cơ bản	2.49%

Hình 1

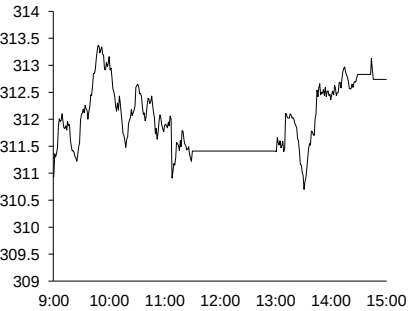
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

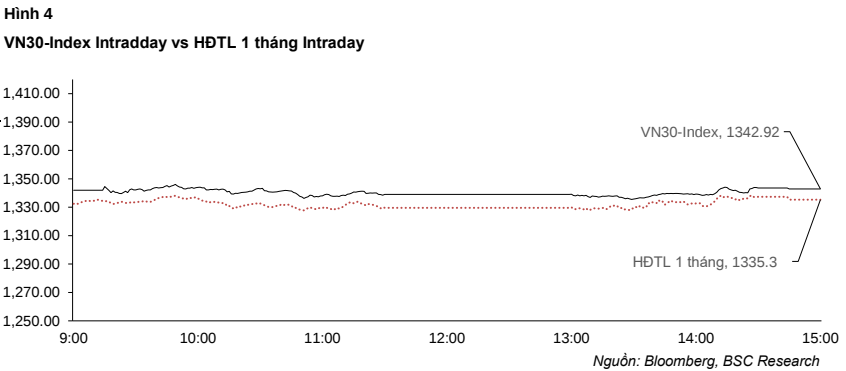
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/6/2022	GVR	27.05	33.5	24	27.05	1	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/6/2022	GIL	76.8	86	72	77.7	2	1.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	26	3	3.59%	Có thể tiếp tục mua
31/5/22	CTD	54.5	61	51	56.6	9	3.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
30/5/22	PDR	55.3	61.3	52	52.7	10	-4.70%	Có thể giữ nguyên vị thế
27/5/22	MWG	146.7	162	136.7	153.4	13	4.57%	Có thể tiếp tục mua
26/5/22	DBC	25.3	30.2	22.5	25	14	-1.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
25/5/22	FRT	82.7	104.6	76.3	102.7	15	24.18%	Cần nhắc không mua thêm (**)
18/5/22	VCI	35	48	32.5	41.85	22	19.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
4/5/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
3/5/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
28/4/22	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
27/4/22	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
26/4/22	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
16/4/22	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
15/4/22	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
14/4/22	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
13/4/22	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
6/4/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	2	8.13%	-2.94%	5.67%	10
Cổ phiếu đã chốt	246	212	7.19%	-7.57%	4.32%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1335.30	0.17%	-7.62	-1.1%	264,559	6/16/2022	7
VN30F2207	1336.10	0.35%	-6.82	-44.2%	791	7/21/2022	42
VN30F2209	1333.90	0.32%	-9.02	-37.9%	100	9/15/2022	98
VN30F2212	1334.00	0.19%	-8.92	-6.5%	115	12/15/2022	189

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 0.89 điểm lên 1342.92 điểm. Các cổ phiếu như HPG, STB, VRE, TCB và POW đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Mức biến động hiện tại của VN30 phù hợp để các nhà đầu tư thực hiện chiến lược giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, hầu hết các HĐ đều giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở cũng có sự cân bằng tương tự khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó. Nhịp vận động của VN30 trong phiên hôm nay gần như không có sự thay đổi so với mức đóng cửa của phiên hôm qua, thanh khoản thấp hơn mức trung bình cho thấy vùng cản 1340-1350 vẫn là ngưỡng tâm lý với các nhà đầu tư.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPOW2201	7/15/2022	36	5:1	701,800	50.64%	1,000	290	20.83%	108	2.68	21,866	16,666	15,900
CPOW2203	9/5/2022	88	2:1	300,300	50.64%	1,600	1,550	9.15%	725	2.14	17,640	15,700	15,900
CMWG2201	9/20/2022	103	10:1	141,300	30.78%	2,600	3,040	1.67%	2,305	1.32	213,500	134,500	152,800
CNVL2202	8/15/2022	67	16:1	93,200	24.43%	1,000	420	0.00%	125	3.36	116,959	79,999	76,500
CHDB2205	10/20/2022	133	5:1	300	38.38%	1,000	830	0.00%	421	1.97	31,611	27,111	25,800
CVRE2205	8/22/2022	74	5:1	607,600	38.40%	1,000	630	0.00%	295	2.14	41,622	32,222	30,900
CVRE2207	10/20/2022	133	8:1	320,500	38.40%	1,000	530	0.00%	237	2.24	43,333	33,333	30,900
CFPT2201	9/20/2022	103	8:1	49,300	30.72%	2,100	2,280	-0.87%	1,685	1.35	107,680	106,000	115,300
CPNJ2201	9/20/2022	103	8:1	3,900	38.54%	2,300	4,520	-1.31%	4,301	1.05	99,260	95,500	128,500
CFPT2202	6/24/2022	15	10:1	201,600	30.72%	1,700	2,500	-2.34%	2,549	0.98	115,300	89,700	115,300
CVPB2204	11/15/2022	159	16:1	100	36.07%	1,000	800	-2.44%	235	3.40	45,448	30,888	31,500
CMWG2204	10/7/2022	120	10:1	817,200	30.78%	3,000	1,970	-2.48%	1,664	1.18	166,200	45,000	152,800
CFPT2108	7/6/2022	27	6:1	536,400	30.72%	3,280	2,240	-3.45%	1,581	1.42	109,835	106,835	115,300
CVPB2203	7/15/2022	36	16:1	16,600	36.07%	1,000	550	-3.51%	213	2.58	53,688	28,888	31,500
CVIC2202	8/15/2022	67	16:1	16,000	24.94%	1,100	510	-3.77%	123	4.15	97,902	82,222	78,100
CMSN2203	8/22/2022	74	20:1	138,200	40.68%	1,000	630	-4.55%	307	2.05	192,989	126,789	118,500
CVIC2204	8/22/2022	74	16:1	151,100	24.94%	1,000	520	-5.45%	113	4.61	105,093	83,333	78,100
CMWG2202	8/1/2022	53	6:1	442,900	30.78%	4,000	2,990	-6.56%	2,106	1.42	150,520	145,000	152,800
CVNM2204	10/7/2022	120	10:1	310,800	22.56%	1,500	670	-6.94%	328	2.04	84,100	73,000	70,200
CMWG2203	9/26/2022	109	7:1	168,900	30.78%	1,990	2,100	-22.22%	2,030	1.03	160,530	148,000	152,800
Tổng				4,316,200	33.25%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 09/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CSTB2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 59.57% và 50.00%. Giá trị giao dịch giảm 11.98%, CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 24.95% thị trường.
- CPNJ2201 ,CHDB2205, CMWG2201 và CVNM2206 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPOW2203, CNVL2201, CNVL2202 và CFPT2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	152.8	-0.4%	0.7	4,862	7.5	7,030	21.7	5.0	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	128.5	0.4%	0.7	1,354	4.2	5,443	23.6	3.9	48.8%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	55.0	-0.7%	1.4	1,775	1.7	2,529	21.8	1.9	26.3%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	52.3	-1.3%	0.6	533	0.1	3,644	14.4	1.6	58.4%	11.1%
VIC	Bất động sản	78.1	0.0%	0.5	12,951	5.2	(578) N/A	N/A	2.8	12.4%	-2.4%
VRE	Bất động sản	30.9	1.6%	1.1	3,053	1.9	401	77.1	2.3	31.0%	3.0%
VHM	Bất động sản	68.3	-0.3%	0.8	12,931	10.5	8,786	7.8	2.3	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	24.8	6.9%	1.5	654	14.0	1,503	16.5	1.6	30.8%	11.3%
SSI	Chứng khoán	29.0	-1.0%	1.6	1,252	10.1	3,023	9.6	1.9	34.4%	22.6%
VCI	Chứng khoán	41.5	-0.8%	1.0	604	5.8	4,884	8.5	1.9	18.9%	26.9%
HCM	Chứng khoán	23.5	-0.6%	1.6	467	1.9	2,619	9.0	1.4	42.5%	17.9%
FPT	Công nghệ	115.3	0.3%	1.0	4,583	8.5	5,152	22.4	5.5	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	70.9	-0.1%	0.4	1,012	0.0	4,926	14.4	3.9	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	127.6	-1.0%	1.0	10,618	7.2	5,109	25.0	4.5	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	46.9	0.1%	1.5	2,591	1.7	1,950	24.0	2.3	17.2%	9.9%
PVS	Dầu khí	32.2	0.6%	1.6	669	10.5	1,408	22.9	1.3	9.4%	5.5%
BSR	Dầu khí	32.2	3.2%	0.8	4,341	25.5	2,108	15.3	2.7	41.1%	19.1%
DHG	Dược	92.8	0.7%	0.3	528	0.0	6,105	15.2	3.4	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	66.9	0.1%	1.2	1,138	10.3	12,920	5.2	2.1	15.8%	50.2%
DCM	Hóa chất	42.4	0.4%	1.2	976	8.5	5,643	7.5	2.5	10.3%	38.9%
VCB	Ngân hàng	77.8	-1.8%	0.8	16,008	3.6	4,855	16.0	3.1	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	34.5	0.6%	1.2	7,588	0.6	2,266	15.2	2.0	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.7	0.0%	1.5	5,788	3.1	2,558	10.8	1.4	26.2%	13.0%
VPB	Ngân hàng	31.5	-0.9%	1.2	6,088	13.0	3,874	8.1	1.6	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	27.8	-0.5%	1.3	4,567	5.5	3,623	7.7	1.6	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	25.8	0.2%	1.1	3,781	3.8	3,081	8.4	1.8	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	59.7	0.8%	0.7	212	0.0	3,150	19.0	2.0	85.7%	10.7%
NTP	Nhựa	43.1	-0.9%	0.5	221	0.1	3,990	10.8	1.8	17.7%	16.9%
MSR	Tài nguyên	21.6	0.5%	1.5	1,032	0.2	178	121.3	1.7	10.1%	1.4%
HPG	Thép	33.8	2.7%	1.1	6,573	39.8	7,443	4.5	1.5	21.0%	40.4%
HSG	Thép	22.3	6.2%	1.5	478	8.6	7,157	3.1	1.0	7.2%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	70.2	-1.1%	0.6	6,379	3.2	4,390	16.0	4.6	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	157.0	-1.7%	0.8	4,377	0.8	5,969	26.3	4.7	62.6%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	118.5	-0.7%	1.0	7,299	3.7	7,041	16.8	6.1	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	18.1	-0.5%	1.6	495	0.9	1,144	15.8	1.3	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	84.8	0.0%	0.8	8,026	0.3	363	233.7	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	127.8	0.6%	1.1	3,009	3.5	361	353.6	4.0	16.9%	1.2%
HVN	Vận tải	18.5	2.5%	1.7	1,781	1.0	(5,210) N/A	N/A N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	59.0	-1.8%	1.0	773	9.5	2,256	26.2	2.7	44.9%	10.8%
PVT	Vận tải	23.5	0.6%	1.4	330	3.6	2,088	11.2	1.4	11.8%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	86.9	-1.3%	0.8	605	0.4	10,540	8.2	2.7	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	47.6	7.0%	0.8	928	5.1	3,677	12.9	2.7	4.4%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.7	3.5%	1.1	294	0.9	783	22.6	1.3	1.8%	5.6%
CTD	Xây dựng	57.2	1.1%	1.3	184	1.1	(27) N/A	N/A	0.5	45.5%	0.0%
CII	Xây dựng	20.9	-1.9%	1.3	229	3.1	1,266	16.5	1.0	10.5%	6.1%
REE	Điện	96.8	-1.5%	-1.4	1,496	3.3	5,994	16.1	2.5	48.9%	16.7%
PC1	Điện	43.0	3.6%	-0.4	440	4.1	3,238	13.3	2.1	5.0%	16.9%
POW	Điện	15.9	3.2%	0.6	1,619	15.3	859	18.5	1.3	2.2%	6.9%
NT2	Điện	27.8	6.9%	0.7	348	7.9	1,933	14.4	1.8	14.2%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	44.8	0.0%	1.5	1,121	5.1	1,154	38.8	1.8	18.5%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	72.0	0%	0.9	3,240	0.3	1,190	60.5	4.5	2.6%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	33.80	2.74	1.03	26.98MLN
GVR	27.45	1.48	0.41	2.46MLN
VGC	47.60	6.97	0.36	2.51MLN
STB	22.30	3.24	0.34	16.07MLN
POW	15.90	3.25	0.30	22.63MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.70	1.07MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-0.64	1.29MLN	607060
SAB	0.00	-0.44	111000	373600
VNM	0.00	-0.43	1.05MLN	192700
VPB	0.00	-0.35	9.40MLN	611640

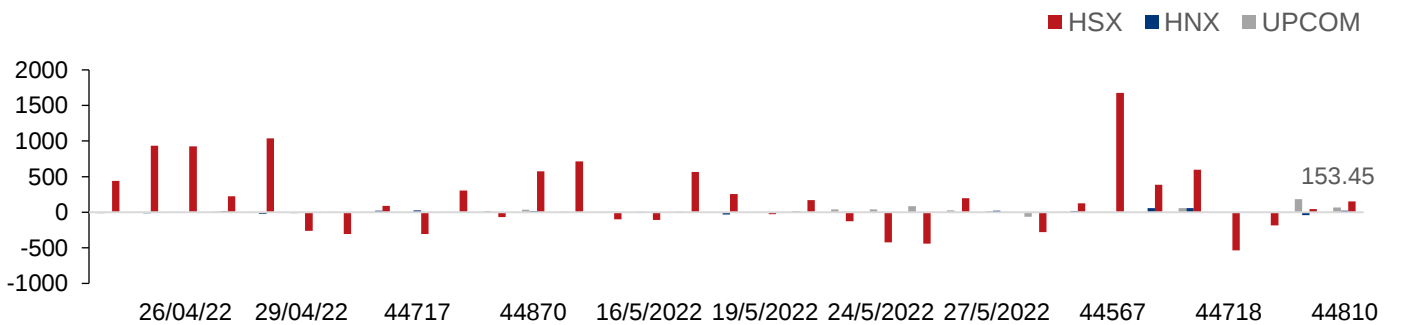
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VGC	47.60	6.97	0.36	2.51MLN
CRC	9.37	6.96	0.01	95800
TLH	12.30	6.96	0.02	1.04MLN
NKG	23.85	6.95	0.09	13.55MLN
NT2	27.80	6.92	0.13	6.78MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CCI	31.50	-6.80	-0.01	6000
DVP	54.50	-6.20	-0.04	46900
PDN	96.20	-5.87	-0.03	3100.00
LEC	11.30	-5.83	-0.01	2400
TEG	11.20	-5.49	-0.01	402400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	89.1	4,228	21.1	5.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	128.5	5,443	23.6	3.9	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.7	1,701	8.6	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	27.8	1,933	14.4	1.8	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	85.2	10,029	8.5	1.6	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	100.4	4,874	20.6	6.5	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	43.0	3,238	13.3	2.1	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	15.4	-129	#N/A N/A	0.8	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	115.3	5,152	22.4	5.5	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	31.5	2,466	12.8	2.0	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	23.9	9,632	2.5	1.0	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	15.9	859	18.5	1.3	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	128.5	5,443	23.6	3.9	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	152.8	7,030	21.7	5.0	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	23.5	2,088	11.2	1.4	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	126.0	8,710	14.5	6.4	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	33.8	7,443	4.5	1.5	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	44.8	1,154	38.8	1.8	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	29.3	5,084	5.8	1.9	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	24.8	1,503	16.5	1.6	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	139.2	8,596	16.2	6.2	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	58.7	2,136	27.5	2.9	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	33.0	2,701	12.2	2.3	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	110.0	8,331	13.2	3.2	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	32.7	1,941	16.8	1.5	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	52.3	3,644	14.4	1.6	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	32.2	1,408	22.9	1.3	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	127.6	5,109	25.0	4.5	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.7	3,141	7.2	1.5	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	57.2	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.7	1,701	8.6	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.3	1,350	9.1	0.6	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.3	1,350	9.1	0.6	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	14.2	2,433	5.8	1.1	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	128.5	5,443	23.6	3.9	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	128.5	5,443	23.6	3.9	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	152.8	7,030	21.7	5.0	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	57.2	2,762	20.7	4.1	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	44.1	1,900	23.2	1.9	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	32.2	2,108	15.3	2.7	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	19.9	1,034	19.2	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	110.0	8,331	13.2	3.2	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	42.0	2,916	14.4	2.2	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.4	689	20.9	1.1	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	24.9	2,054	12.1	1.2	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	54.9	3661.8	15.0	2.2	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	27.8	1,933	14.4	1.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
7	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
10	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
12	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
13	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
15	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
16	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
17	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
19	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
22	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
25	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THỂ GIỚI	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
28	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
29	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
30	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
32	Banking Sector Outlook		x	Click
33	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
34	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
35	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
36	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
37	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
38	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
39	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
40	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
41	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
42	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
43	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
44	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639